TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 11 năm 2019

V/v *"Ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Nguyễn Viết Dũng

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST-HPT ngày 10/10/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: KX/36 đường T, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: X003 White Water Way Saint Cloud FL 34771, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phan Văn T kết hôn vào ngày 23 tháng 11 năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ tôi tại địa chỉ : KX/36 đường T, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam được 01 tháng thì ông T về Mỹ. Đến năm 2007 ông T có sang Việt Nam thăm tôi 01 lần được vài ngày. Từ năm 2013 đến nay ông T không liên lạc, không có trách nhiệm, không quan tâm đến vợ con. Theo tôi được biết hiện nay ông T đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Tôi đã nộp đơn ly hôn nhiều lần nhưng ông T không hợp tác để giải quyết ly hôn.

Nay tôi xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phan Văn T.

Về con chung: Tôi và ông Phan Văn T có 01 con chung là Phan Văn L, sinh ngày 15/11/2008. Hiện nay con chung đang sống với tôi. Khi Tòa án giải quyết ly hôn tôi xin được nuôi con chung, không yêu cầu ông Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định không có.

-Bị đơn, ông Phan Văn T vắng mặt, không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Phan Văn T, giao con chung cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

-Về chứng cứ:

Những sự kiện không cần phải chứng minh:

Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Phan Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ngày 23 tháng 11 năm 2005.

+Những tình tiết các bên thống nhất: Không có.

+Những tình tiết các bên không thống nhất:

Bà Nguyễn Thị Bích T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và xin được nuôi con chung.

Ông Phan Văn T vắng mặt, không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tống đạt cho bị đơn:

[1.1.1] Bị đơn ông Phan Văn T là người Việt Nam cư trú ở nước ngoài, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý, giấy triệu tập theo đường dịch vụ bưu chính đến cho Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để tống đạt cho ông Phan Văn T theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.1.2] Ngày 21/6/2019, Tòa án nhận được Văn bản số: 78/BC-UTTP ngày 12/6/2019 của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ, theo đó Đại sứ quán đã gửi văn bản tống đạt cho ông Phan Văn T, đồng thời niêm yết tại trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ kể từ ngày 01/4/2019, nhưng ông T không đến nhận và không có hồi âm.

[1.1.3] Tòa án tiếp tục làm thủ tục yêu cầu Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ gửi thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Phan Văn T lần thứ 2 và thông báo trên Cổng thông tin Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ đồng thời Tòa án thực hiện niêm yết tại Trụ sở Tòa án, tại nơi cư trú cuối cùng của ông T tại Việt Nam theo theo định tại khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.1.4] Ngày 05/11/2019, Tòa án nhận được Văn bản số: 154/BC-UTTP ngày 25/10/2019 của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ, theo đó Đại sứ quán tiếp tục gửi thông báo và hồ sơ cho ông Phan Văn T, niêm yết tại trụ sở Đại sứ quán, đăng tin trên cổng thông tin điện tử Đại sứ quán kể từ ngày 25/9/2019.

[1.1.5] Như vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp tống đạt, niêm yết, đăng thông tin theo đúng quy định nhưng ông Phan Văn T vẫn vắng mặt nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

[1.2] Về thủ tục thu thập chứng cứ lấy lời khai của bị đơn: Tòa án thực hiện lập hồ sơ ủy thác tư pháp lấy lời khai của ông Phan Văn T gửi đến cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ theo điểm b khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến ngày mở phiên tòa không nhận được kết quả ủy thác tư pháp nên không thu thập được ý kiến, lời khai của ông Phan Văn T trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Năm 2005 bà Nguyễn Thị Bích T và ông Phan Văn T xây dựng gia đình với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ sống chung một thời gian khoản 01 tháng tại Việt Nam, sau đó ông T cư trú ở Hoa Kỳ có về thăm bà T 01 lần vào được vài ngày vào năm 2007. Thời gian sau này giữa hai bên không liên lạc, ông T không có trách nhiệm, không quan tâm đến vợ con.

[2.3] Xét thấy:

[2.3.1] Về quan hệ hôn nhân: Thực tế từ sau khi kết hôn đến nay quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Phan Văn T chỉ tồn tại được một thời gian ngắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý. Bà T yêu cầu được ly hôn. Ông Phan Văn T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích T về việc xin ly hôn ông Phan Văn T như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[2.3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Phan Văn T có 01 con chung là Phan Văn L, sinh ngày 15/11/2008. Xét thấy: Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Văn L từ nhỏ cho đến nay, qua xác minh tại địa phương cho thấy bà T có việc làm, có thu nhập để đảm bảo nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu xin nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Bích T, giao cháu Phan Văn L, sinh ngày 15/11/2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng như ý kiến của cháu L muốn được sống với mẹ. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T xác định không có nhưng do ông Phan Văn T không có lời khai và vắng mặt tại phiên tòa, do đó để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Hội đồng xét xử không đề cập đến. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà T đã nộp.

[4] Về chi phí ủy thác tư pháp:

[4.1] Chi phí lập hồ sơ ủy thác thu thập chứng cứ: Đến ngày xét xử Tòa án không nhận được kết quả ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ lấy lời khai đối với ông Phan Văn Tịnh, do đó hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích T số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đã nộp.

[4.2] Chi phí dịch thuật 460.000 đồng và chi phí gửi bưu điện đi nước ngoài 704.000 đồng bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu (đã nộp, đã chi theo biên lai thu tiền lệ phí số 0099822, 0004289 ngày 19/3/2019 của Phòng Tư pháp quận C, Biên lai gửi bưu điện số ET 550161865VN của Bưu điện C, thành phố Đà Nẵng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 464, Điểm c, Khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Phan Văn T.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi con chung Phan Văn L, sinh ngày 15/11/2008.

Ông Phan Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu: 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp (biên lai thu số: 001560 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

4/ Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích T 3.000.000 đồng tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đã nộp (biên lai thu số 001676 ngày 18/3/2019 và 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 001677 ngày 18/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

5/ Về quyền kháng cáo:

5.1. Bà Nguyễn Thị Bích T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5.2. Ông Phan Văn T cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- UBND TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trương Chí Trung